

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 28
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1401/QĐ-UB ngày 10/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tây, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Hồng Quang – Huyện Ứng Hòa – Thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Hoàng Thị Hiền	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2013)
Ông Nguyễn Thế Nhậm	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2013)
Ông Nguyễn Thế Nhậm	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2013)
Bà Hoàng Thị Hiền	Phó Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2013)
Ông Trương Mạnh Biên	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thế Nhậm	Giám đốc
Ông Trương Mạnh Biên	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hà	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Danh Lệ	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Hữu Khương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2013)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2013)
Ông Trần Xuân Nghinh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2013)
Ông Bùi Văn Đồng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2013)

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Nguyễn Thế Nhậm**

Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2014

Số : 430 /2014/BC.KTTC-AASC.KT5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây được lập ngày 30 tháng 01 năm 2014, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2014

**Trần Thị Mai Hương**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0593-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>46.240.384.376</b>	<b>49.397.265.187</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>2.303.240.123</b>	<b>8.132.811.844</b>
111	1. Tiền		2.303.240.123	8.132.811.844
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>980.066.000</b>	<b>1.205.225.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		980.066.000	1.205.225.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>27.342.845.501</b>	<b>23.184.748.120</b>
131	1. Phải thu khách hàng		26.021.598.984	21.874.993.999
132	2. Trả trước cho người bán		713.018.283	287.321.622
135	3. Các khoản phải thu khác	5	1.763.244.342	1.476.151.294
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.155.016.108)	(453.718.795)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>13.728.132.569</b>	<b>14.745.734.973</b>
141	1. Hàng tồn kho		13.728.132.569	14.745.734.973
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.886.100.183</b>	<b>2.128.745.250</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		34.857.372	50.000.000
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		96.081.471	163.781.271
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	7	1.755.161.340	1.914.963.979
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.375.439.804</b>	<b>10.849.140.700</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>6.209.055.161</b>	<b>9.250.508.204</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	5.955.691.521	8.997.144.564
222	- Nguyên giá		66.867.940.275	67.789.468.039
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.912.248.754)	(58.792.323.475)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	253.363.640	253.363.640
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.166.384.643</b>	<b>1.598.632.496</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.669.719.013	1.598.632.496
268	2. Tài sản dài hạn khác		496.665.630	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>54.615.824.180</b>	<b>60.246.405.887</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>22.843.762.376</b>	<b>21.838.842.806</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>22.770.862.376</b>	<b>21.203.962.806</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	4.550.000.000	700.000.000
312	2. Phải trả người bán		9.304.983.590	10.458.187.427
313	3. Người mua trả tiền trước		2.076.840.598	318.516.629
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.780.206.625	1.633.344.066
315	5. Phải trả người lao động		862.586.124	2.225.573.184
316	6. Chi phí phải trả	13	482.422.667	2.103.291.392
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	3.254.710.216	3.210.927.552
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		459.112.556	554.122.556
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>72.900.000</b>	<b>634.880.000</b>
338	1. Doanh thu chưa thực hiện		72.900.000	634.880.000
400	<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>31.772.061.804</b>	<b>38.407.563.081</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	15	<b>31.772.061.804</b>	<b>38.407.563.081</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		29.361.400.000	29.361.400.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		894.000.000	894.000.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.763.097.626	9.763.097.626
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		2.255.693.000	2.255.693.000
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(10.502.128.822)	(3.866.627.545)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>54.615.824.180</b>	<b>60.246.405.887</b>



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý	96.447.000	96.447.000



Đinh Văn Duy  
Người lập biểu



Đinh Văn Duy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Nhậm  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2014

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	56.369.038.677	74.376.274.882
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.369.038.677	74.376.274.882
11	3. Giá vốn hàng bán	17	53.230.537.294	74.090.108.679
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.138.501.383	286.166.203
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	18	210.279.694	498.170.921
22	6. Chi phí tài chính	19	353.531.027	110.167.996
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		345.135.465	108.888.596
24	7. Chi phí bán hàng	20	2.818.959.564	3.948.632.725
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	4.904.742.763	4.186.613.604
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.728.452.277)	(7.461.077.201)
31	10. Thu nhập khác	22	148.249.000	70.684.800
32	11. Chi phí khác		-	293.217.144
40	12. Lợi nhuận khác		148.249.000	(222.532.344)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(4.580.203.277)	(7.683.609.545)
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.580.203.277)	(7.683.609.545)
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	(1.560)	(2.617)

Đinh Văn Duy  
Người lập biểu

Đinh Văn Duy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Nhậm  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2014

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		58.999.483.529	75.967.678.849
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(53.527.401.478)	(55.485.082.319)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(9.547.080.660)	(12.348.265.000)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(342.018.798)	(116.146.661)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.637.980.430	680.443.800
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.353.533.828)	(11.893.279.116)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(8.132.570.805)</b>	<b>(3.194.650.447)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(251.085.000)	(695.865.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		476.244.000	1.371.273.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		210.279.694	558.170.921
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>435.438.694</b>	<b>1.233.578.921</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		6.250.000.000	700.000.000
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.400.000.000)	(1.500.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.982.439.610)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.867.560.390</b>	<b>(800.000.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(5.829.571.721)</b>	<b>(2.761.071.526)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>8.132.811.844</b>	<b>10.893.883.370</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	3	<b>2.303.240.123</b>	<b>8.132.811.844</b>

Đinh Văn Duy  
Người lập biểu

Đinh Văn Duy  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Nhậm  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1401/QĐ-UB ngày 10/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tây, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Hồng Quang – Huyện Ứng Hòa – Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 29.361.400.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ ba trăm sáu mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng), tương đương 2.936.140 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Công ty có công ty con tại thời điểm 31/12/2013:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiên Sơn	Xã Tượng Lĩnh, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam	100%	100%	Khai thác và chế biến đá; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất bao bì, tấm lợp, gia công cơ khí; Xây dựng công trình dân dụng công nghiệp.

Công ty TNHH Tiên Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0070.414.528 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 09/09/2009, chính thức đi vào hoạt động từ năm 2011. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động nên Công ty vẫn hạch toán kế toán như một đơn vị phụ thuộc của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0303000348 ngày 29/12/2004 (sửa đổi lần thứ ba ngày 03/10/2008) do Sở Kế hoạch - Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất xi măng, clinker, vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi;
- Sản lắp mặt bằng công trình;
- Kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn;
- Khai thác, chế biến đá.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng

### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## **2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

## **2.4. Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.6. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các

khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Đối với sản xuất xi măng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của mỗi công đoạn sản xuất được xác định theo giá nhập kho bình quân của công đoạn sản xuất trong kỳ. Đối với các công trình xây dựng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## 2.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm

Trong năm Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.

## 2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

## 2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **2.11. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **2.12. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo chốt quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

### **2.13. Ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

#### 2.14. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 2.15. Các khoản thuế

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	745.272.378	3.918.376.420
Tiền gửi ngân hàng	1.557.967.745	4.214.435.424
	<b>2.303.240.123</b>	<b>8.132.811.844</b>

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đào Huy Hoàng <sup>[1]</sup>	354.648.000	350.000.000
Tiền cho CBCNV vay lấy lãi <sup>[2]</sup>	625.418.000	855.225.000
	<b>980.066.000</b>	<b>1.205.225.000</b>

<sup>[1]</sup> Theo giấy nhận nợ ngày 17/12/2012 giữa Ông Đào Huy Hoàng và Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây mức lãi suất được tính theo lãi suất cho vay của ngân hàng. Thời hạn vay theo nhu cầu vay vốn và cho vay của các bên theo từng thời điểm.

<sup>[2]</sup> Theo thông báo số 23/TB-CT ngày 08/06/2011 của Giám đốc Công ty, mức lãi suất cho vay được áp dụng trong năm là 2%/tháng. Thời hạn vay theo nhu cầu vay vốn và cho vay của các bên theo từng thời điểm.



**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	122.274.000	142.550.000
Phải thu kinh phí công đoàn	-	95.282.720
Phải thu khác	1.640.970.342	1.238.318.574
- BHXH phải thu của người lao động	49.792.625	3.717.000
- Tiền vật tư xuất, tiền thuê núi Công ty Sơn Phát	18.000.000	163.754.063
- Tạm ứng cho phòng XDCCB mua vật tư thi công công trình	930.827.274	-
- Phải thu Tạ Hữu Yên	-	240.806.294
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thế Giới	50.000.000	50.000.000
- Phải thu Lê Thị My	15.750.000	75.750.000
- Phải thu Nguyễn Bắc Lục	435.761.253	459.843.494
- Phải thu Nguyễn Văn Thắng	-	54.813.961
- Phải thu thuế TNCN	11.411.000	-
- Phải thu khác	129.428.190	189.633.762
	<b>1.763.244.342</b>	<b>1.476.151.294</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.904.976.244	7.544.238.079
Công cụ, dụng cụ	1.687.400.984	1.487.176.086
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.132.874.325	3.906.050.408
Thành phẩm	2.000.947.200	1.806.336.584
Hàng gửi đi bán	1.933.816	1.933.816
	<b>13.728.132.569</b>	<b>14.745.734.973</b>

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	1.755.161.340	1.684.563.979
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	230.400.000
	<b>1.755.161.340</b>	<b>1.914.963.979</b>

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải,		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm	20.736.518.169	40.560.618.972	3.019.182.164	1.206.269.807	2.266.878.927	67.789.468.039					
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-					
Số giảm trong năm	(255.421.445)	(225.351.798)	-	(298.580.227)	(142.174.294)	(921.527.764)					
- <i>Phân loại tài sản theo TT45/2013/TT-BTC</i>	(255.421.445)	(225.351.798)	-	(298.580.227)	(142.174.294)	(921.527.764)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>20.481.096.724</b>	<b>40.335.267.174</b>	<b>3.019.182.164</b>	<b>907.689.580</b>	<b>2.124.704.633</b>	<b>66.867.940.275</b>					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>											
Số dư đầu năm	20.206.411.229	33.274.170.319	2.195.651.218	849.211.782	2.266.878.927	58.792.323.475					
Số tăng trong năm	188.154.107	2.421.204.656	323.088.190	39.900.140	-	2.972.347.093					
- <i>Khấu hao trong năm</i>	188.154.107	2.421.204.656	323.088.190	39.900.140	-	2.972.347.093					
Số giảm trong năm	(246.099.561)	(225.351.798)	-	(238.796.161)	(142.174.294)	(852.421.814)					
- <i>Phân loại tài sản theo TT45/2013/TT-BTC</i>	(246.099.561)	(225.351.798)	-	(238.796.161)	(142.174.294)	(852.421.814)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>20.148.465.775</b>	<b>35.470.023.177</b>	<b>2.518.739.408</b>	<b>650.315.761</b>	<b>2.124.704.633</b>	<b>60.912.248.754</b>					
<b>Giá trị còn lại</b>											
Tại ngày đầu năm	530.106.940	7.286.448.653	823.530.946	357.058.025	-	8.997.144.564					
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>332.630.949</b>	<b>4.865.243.997</b>	<b>500.442.756</b>	<b>257.373.819</b>	<b>-</b>	<b>5.955.691.521</b>					

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 48.616.486.841 VND.  
Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 12.190.630.787 VND.

## 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất xi măng lò quay <sup>[*]</sup>	253.363.640	253.363.640
	<b>253.363.640</b>	<b>253.363.640</b>

[\*] Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng lò quay với công suất dự kiến 1000 tấn/ngày, tổng mức đầu tư dự kiến là gần 400 tỷ đồng dự kiến hoàn thành vào năm 2012. Dự án đã được Đại hội Cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua nhưng hiện dự án chưa triển khai các bước tiếp theo vì chủ đầu tư chưa đủ điều kiện về vốn.

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.598.632.496	1.734.902.501
Số tăng trong năm	470.610.273	513.032.500
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(399.523.756)	(649.302.505)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.669.719.013</b>	<b>1.598.632.496</b>

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí thăm dò mỏ đá	1.258.113.636	1.121.750.000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	78.715.228	65.773.331
Chi thanh toán trợ cấp mất việc làm	332.890.149	411.109.165
	<b>1.669.719.013</b>	<b>1.598.632.496</b>

## 11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>1.700.000.000</b>	<b>700.000.000</b>
- Vay ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long (MHB) - Chi nhánh Hà Tây <sup>[1]</sup>	1.700.000.000	700.000.000
<b>Vay cá nhân</b>	<b>2.850.000.000</b>	-
- Bà Lê kim Chi <sup>[2]</sup>	1.150.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Thủy <sup>[3]</sup>	1.700.000.000	-
	<b>4.550.000.000</b>	<b>700.000.000</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

<sup>[1]</sup> Hợp đồng tín dụng số 0027.13/HĐTD ngày 30/10/2013 giữa Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Hà Tây và Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây với các điều khoản chi tiết như sau:

- Số tiền cho vay: 1.700.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày bắt đầu rút vốn;

- Lãi suất áp dụng: Lãi suất biến đổi được áp dụng theo quy định của Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Hà Tây công bố từng thời kỳ. Lãi vay trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hình thức đảm bảo: Tài sản thế chấp của bên thứ ba là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất hiện tại và hình thành trong tương lai của Ông Nguyễn Thế Nhậm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S589967. Giá trị tài sản thế chấp được định giá 2.653.620.000 VND.

<sup>[2]</sup> Các khế ước nhận nợ vay giữa Bà Lê Kim Chi và Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây với các điều khoản chi tiết như sau: Tổng giá trị khoản vay 1.150.000.000 VND. Lãi suất 1,2%/tháng. Biện pháp đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

<sup>[3]</sup> Khế ước nhận nợ vay giữa Ông Nguyễn Văn Thủy và Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây ngày 03/10/2013 với các điều khoản chi tiết như sau: Tổng giá trị khoản vay 1.700.000.000 VND. Lãi suất 1,2%/tháng. Biện pháp đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

## 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	825.283.236	1.163.090.077
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại Văn phòng Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây	157.052.133	157.052.133
Thuế thu nhập cá nhân	36.635.000	21.033.000
Thuế tài nguyên	166.913.200	36.936.200
Các loại thuế khác	205.544.000	208.544.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	388.779.056	46.688.656
	<b>1.780.206.625</b>	<b>1.633.344.066</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	3.116.667	-
Trích trước chi phí thuê vận chuyển bốc xúc	350.306.000	160.867.000
Trích trước chi phí công trình Tào Khê	-	949.178.860
Trích trước chi phí công trình Yên Mông	-	643.174.911
Trích trước tiền điện	129.000.000	350.070.621
	<b>482.422.667</b>	<b>2.103.291.392</b>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	107.682.880	-
Bảo hiểm xã hội	1.054.087.728	288.829.261
Phải trả về cổ phần hóa	826.350.000	826.350.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.266.589.608	2.095.748.291
- Cổ tức phải trả cổ đông	72.858.390	-
- Phải trả tiền tạm ứng	335.434.743	100.445.105
- Tiền ăn ca độc hại	139.032.936	160.437.876
- Phải trả phòng XDCCB	-	797.221.008
- Phải trả Nguyễn Chiến Thắng - Công trình Tào Khê	560.550.906	862.870.157
- Phải trả, phải nộp khác	158.712.633	174.774.145
	<u><b>3.254.710.216</b></u>	<u><b>3.210.927.552</b></u>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển		Quý dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>29.361.400.000</b>	<b>894.000.000</b>	<b>894.000.000</b>	<b>9.146.860.765</b>	<b>1.988.632.000</b>	<b>5.341.224.861</b>	<b>46.732.117.626</b>			
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(7.683.609.545)	(7.683.609.545)			
Trích lập các quỹ	-	-	-	616.236.861	267.061.000	(883.297.861)	-			
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(534.121.000)	(534.121.000)			
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	-	-	(106.824.000)	(106.824.000)			
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>29.361.400.000</b>	<b>894.000.000</b>	<b>894.000.000</b>	<b>9.763.097.626</b>	<b>2.255.693.000</b>	<b>(3.866.627.545)</b>	<b>38.407.563.081</b>			
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(4.580.203.277)	(4.580.203.277)			
Chi trả cổ tức năm 2011 <sup>[*]</sup>	-	-	-	-	-	(2.055.298.000)	(2.055.298.000)			
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>29.361.400.000</b>	<b>894.000.000</b>	<b>894.000.000</b>	<b>9.763.097.626</b>	<b>2.255.693.000</b>	<b>(10.502.128.822)</b>	<b>31.772.061.804</b>			

<sup>[\*]</sup>Theo Nghị quyết 01/NQ/HĐQT ngày 01/01/2013 của Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền chia cổ tức đợt 1 năm 2011 bằng tiền mặt với mức cổ tức 7% mệnh giá ngày 30/01/2013 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	8.507.000.000	28,97%	8.507.000.000	28,97%
Bà Hoàng Thị Hiền	5.613.000.000	19,12%	1.713.000.000	5,83%
Ông Nguyễn Thế Nhậm	1.514.000.000	5,16%	1.514.000.000	5,16%
Vốn góp của đối tượng khác	13.727.400.000	46,75%	17.627.400.000	60,04%
	<b>29.361.400.000</b>	<b>100%</b>	<b>29.361.400.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	29.361.400.000	29.361.400.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	29.361.400.000	29.361.400.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	29.361.400.000	29.361.400.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.055.298.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm 2011</i>	2.055.298.000	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.936.140	2.936.140
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.936.140	2.936.140
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.936.140	2.936.140
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.936.140	2.936.140

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/cổ phiếu

**e) Các quỹ của công ty**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	9.763.097.626	9.763.097.626
- Quỹ dự phòng tài chính	2.255.693.000	2.255.693.000

**16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	56.369.038.677	66.729.918.076
Doanh thu xây dựng	-	7.646.356.806
	<b>56.369.038.677</b>	<b>74.376.274.882</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	53.230.537.294	66.507.667.693
Giá vốn xây dựng	-	7.582.440.986
	<b>53.230.537.294</b>	<b>74.090.108.679</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	210.279.694	498.170.921
	<b>210.279.694</b>	<b>498.170.921</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	345.135.465	108.888.596
Chi phí tài chính khác	8.395.562	1.279.400
	<b>353.531.027</b>	<b>110.167.996</b>

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân công	546.335.000	968.560.000
Chi phí khác bằng tiền	2.272.624.564	2.980.072.725
	<b>2.818.959.564</b>	<b>3.948.632.725</b>



## 21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	900.000	13.130.000
Chi phí nhân công	1.557.069.000	1.842.725.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	351.316.259	426.637.772
Chi phí dự phòng	701.297.313	266.521.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	253.407.201	438.688.712
Chi phí khác bằng tiền	2.040.752.990	1.198.910.525
	<b>4.904.742.763</b>	<b>4.186.613.604</b>

## 22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu từ phạt hợp đồng	100.000.000	-
Tiền cho thuê xe, tiền điện sinh hoạt, thu nhập khác	48.249.000	70.684.800
	<b>148.249.000</b>	<b>70.684.800</b>

## 23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(4.580.203.277)	(7.683.609.545)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(4.580.203.277)	(7.683.609.545)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	157.052.133	157.052.133
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động KD chính</b>	<b>157.052.133</b>	<b>157.052.133</b>

## 24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.580.203.277)	(7.683.609.545)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.580.203.277)	(7.683.609.545)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.936.140	2.936.140
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.560)</b>	<b>(2.617)</b>

## 25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	31.207.632.374	51.067.369.034
Chi phí nhân công	11.902.819.067	14.931.337.340
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.972.347.093	3.188.565.823
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.061.660.662	7.672.245.268
Chi phí khác bằng tiền	8.473.973.756	6.087.849.348
Chi phí dự phòng	701.297.313	266.521.595
	<b>61.319.730.265</b>	<b>83.213.888.408</b>

## 26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.303.240.123	-	8.132.811.844	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.784.843.326	(1.155.016.108)	23.351.145.293	(453.718.795)
Các khoản cho vay	980.066.000	-	1.205.225.000	-
<b>Cộng</b>	<b>31.068.149.449</b>	<b>(1.155.016.108)</b>	<b>32.689.182.137</b>	<b>(453.718.795)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	4.550.000.000	700.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	12.559.693.806	13.669.114.979
Chi phí phải trả	482.422.667	2.103.291.392
<b>Cộng</b>	<b>17.592.116.473</b>	<b>16.472.406.371</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Cộng
	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.303.240.123	2.303.240.123
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.629.827.218	26.629.827.218
Các khoản cho vay	980.066.000	980.066.000
<b>Cộng</b>	<b>29.913.133.341</b>	<b>29.913.133.341</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.132.811.844	8.132.811.844
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.897.426.498	22.897.426.498
Các khoản cho vay	1.205.225.000	1.205.225.000
<b>Cộng</b>	<b>32.235.463.342</b>	<b>32.235.463.342</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Cộng
	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>		
Vay và nợ	4.550.000.000	4.550.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	12.559.693.806	12.559.693.806
Chi phí phải trả	482.422.667	482.422.667
<b>Cộng</b>	<b>17.592.116.473</b>	<b>17.592.116.473</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>		
Vay và nợ	700.000.000	700.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	13.669.114.979	13.669.114.979
Chi phí phải trả	2.103.291.392	2.103.291.392
<b>Cộng</b>	<b>16.472.406.371</b>	<b>16.472.406.371</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 27. THÔNG TIN KHÁC

Hoạt động kinh doanh của Công ty lỗ hai năm liên tiếp năm 2012 là -7.683.609.545 VND, năm 2013 là -4.580.203.277 VND. Do vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2014 thuộc diện kiểm soát của Ủy Ban Chứng khoán nhà nước.

## 28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo hợp đồng số 34/HĐKT ngày 30/12/2013 giữa Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây và Công ty Cổ phần Thương mại Nguyên Việt, theo đó Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây bán thanh lý “Khung nhà lò số 2 và thiết bị, thiết bị máy sấy” giá trị chuyển nhượng 1,61 tỷ đồng (bao gồm cả VAT), Công suất theo thiết kế của nhà máy giảm từ 120.000 tấn/ năm xuống 60.000 tấn/năm. Tại thời điểm 31/12/2013 nguyên giá tài sản thanh lý là 12.190.630.787 VND, giá trị hao mòn lũy kế là 11.179.767.718 VND. Tài sản đã được bàn giao trong tháng 1 năm 2014.

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 02/2014/NQ-HĐQT ngày 10/01/2014, từ ngày 01/01/2014 Công ty TNHH Tiên Sơn chuyển sang hạch toán độc lập với Văn phòng Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây. Do vậy từ năm 2014 Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Tiên Sơn sẽ được lập và hợp nhất vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này



## 29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

### Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Xi măng, gạch	Đá mặt	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	49.893.331.918	6.475.706.759	56.369.038.677
Giá vốn của các bộ phận	46.906.947.679	6.323.589.615	53.230.537.294
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>2.986.384.239</b>	<b>152.117.144</b>	<b>3.138.501.383</b>
Tài sản bộ phận	45.573.431.408	9.042.392.772	54.615.824.180
<b>Tổng tài sản</b>	<b>45.573.431.408</b>	<b>9.042.392.772</b>	<b>54.615.824.180</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	21.508.317.414	1.335.444.962	22.843.762.376
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>21.508.317.414</b>	<b>1.335.444.962</b>	<b>22.843.762.376</b>

### Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Toàn bộ doanh thu trong năm của Công ty được tiêu thụ tại khu vực miền Bắc, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

## 30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	584.620.000	629.258.000

## 31. SỐ LIỆU SO SÁNH

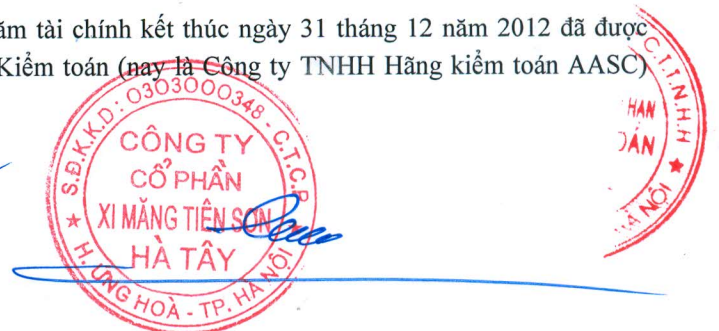
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC) kiểm toán.



Đinh Văn Duy  
Người lập biểu



Đinh Văn Duy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Nhậm  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2014